

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
NGÀNH: THIẾT KẾ ĐỒ HỌA**

(Ban hành tại Quyết định số/QĐ-ĐHSPKT ngày .../.../..... của Hiệu trưởng trường Đại học
Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

Tên chương trình: THIẾT KẾ ĐỒ HỌA

Ngành đào tạo: THIẾT KẾ ĐỒ HỌA

Tên tiếng Anh: GRAPHIC DESIGN

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

Mã số: 7210403

Hình thức đào tạo: CHÍNH QUI

Tp. Hồ Chí Minh, 2020

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình: THIẾT KẾ ĐỒ HỌA (GRAPHIC DESIGN)

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: THIẾT KẾ ĐỒ HỌA

Mã ngành: 7210403

Hình thức đào tạo: CHÍNH QUI

Văn bằng tốt nghiệp: CỬ NHÂN

(Ban hành tại Quyết định số 1273/QĐ-ĐHSPKT ngày 03/08/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Thời gian đào tạo: 4 năm

2. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp phổ thông trung học

3. Thang điểm, Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thang điểm: 10

Quy trình đào tạo: Theo qui chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo quyết định số 17/VBHN-BGDĐT

Điều kiện tốt nghiệp:

Điều kiện chung: Theo qui chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo quyết định số 17/VBHN-BGDĐT

Điều kiện của chuyên ngành: không

4. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

Mục đích (Goals)

Đào tạo sinh viên trở thành cử nhân ngành Thiết kế Đồ họa có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành Thiết kế Đồ họa, có khả năng phân tích, giải quyết vấn đề và đánh giá các giải pháp mỹ thuật, có năng lực xây dựng và quản trị doanh nghiệp thiết kế, có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, có thái độ nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu của ngành và xã hội. Sinh viên ngành Thiết kế Đồ họa sau khi ra trường có thể làm việc trong các doanh nghiệp thiết kế trong và ngoài nước, các cơ sở đào tạo ngành Thiết kế Đồ họa.

Mục tiêu đào tạo (Objectives)

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực:

1. Kiến thức và lập luận trong lĩnh vực mỹ thuật.
2. Kỹ năng, tổ chất cá nhân và chuyên nghiệp.
3. Kỹ năng giao tiếp: làm việc theo nhóm và giao tiếp.
4. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp, xã hội và môi trường – Lãnh đạo và kinh doanh trong lĩnh vực mỹ thuật.

Chuẩn đầu ra (Program outcomes)

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1.	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN TRONG LĨNH VỰC MỸ THUẬT	
1.1.	Hiểu biết các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và mỹ thuật.	3
1.2.	Hiểu biết các kiến thức nền tảng cốt lõi về mỹ thuật ứng dụng trong thiết kế đồ họa.	3
1.3.	Giải thích các kiến thức mỹ thuật nâng cao trong lĩnh vực thiết kế đồ họa.	4
2.	KỸ NĂNG, TỔ CHẤT CÁ NHÂN VÀ CHUYÊN NGHIỆP	
2.1.	Phân tích, lập luận giải quyết các vấn đề mỹ thuật trong lĩnh vực thiết kế đồ họa.	3
2.2.	Thử nghiệm và khám phá tri thức.	3
2.3.	Tư duy tầm hệ thống.	3
2.4.	Hình thành kỹ năng và thái độ cá nhân.	3
2.5.	Phát triển kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp.	3
3.	KỸ NĂNG GIAO TIẾP: LÀM VIỆC THEO NHÓM VÀ GIAO TIẾP	
3.1.	Làm việc hiệu quả với người khác trong môi trường đa ngành nghề.	3
3.2.	Giao tiếp hiệu quả dưới nhiều hình thức: trực tiếp, trực tuyến và văn bản.	3
3.3.	Thể hiện khả năng ngoại ngữ.	3
4.	HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, TRIỂN KHAI, VÀ VẬN HÀNH TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP VÀ XÃ HỘI	
4.1.	Xác định bối cảnh xã hội và xu hướng phát triển của ngành thiết kế đồ họa.	3
4.2.	Xác định bối cảnh doanh nghiệp và kinh doanh trong lĩnh vực thiết kế đồ họa.	3
4.3.	Hình thành ý tưởng về các dự án thiết kế in ấn, bao bì, quảng cáo, minh họa.	5
4.4.	Thiết kế mẫu sản phẩm in ấn, bao bì, quảng cáo, minh họa.	5

4.5.	Triển khai dự án thiết kế in ấn, bao bì, quảng cáo, minh họa.	5
4.6.	Phân tích quá trình thiết kế cho các dự án sang tạo.	5
4.7.	Phát triển kỹ năng lãnh đạo trong thiết kế đồ họa.	3
4.8.	Kinh doanh trong lĩnh vực thiết kế đồ họa.	3

Thang trình độ năng lực

Trình độ năng lực		Mô tả ngắn
$0.0 \leq \text{TĐNL} \leq 1.0$	Cơ bản	Nhớ: Sinh viên ghi nhớ/ nhận ra/ nhớ lại được kiến thức bằng các hành động như định nghĩa, nhắc lại, liệt kê, nhận diện, xác định,...
$1.0 < \text{TĐNL} \leq 2.0$	Đạt yêu cầu	Hiểu: Sinh viên tự kiến tạo được kiến thức từ các tài liệu, kiến thức bằng các hành động như giải thích, phân loại, minh họa, suy luận, ...
$2.0 < \text{TĐNL} \leq 3.0$		Áp dụng: Sinh viên thực hiện/ áp dụng kiến thức để tạo ra các sản phẩm như mô hình, vật thật, sản phẩm mô phỏng, bài báo cáo,...
$3.0 < \text{TĐNL} \leq 4.0$	Thành thạo	Phân tích: Sinh viên phân tích tài liệu/ kiến thức thành các chi tiết/ bộ phận và chỉ ra được mối quan hệ của chúng tổng thể bằng các hành động như phân tích, phân loại, so sánh, tổng hợp,...
$4.0 < \text{TĐNL} \leq 5.0$		Đánh giá: SV đưa ra được nhận định, dự báo về kiến thức/ thông tin theo các tiêu chuẩn, tiêu chí và chỉ số đo lường đã được xác định bằng các hành động như nhận xét, phản biện, đề xuất,...
$5.0 < \text{TĐNL} \leq 6.0$	Xuất sắc	Sáng tạo: SV kiến tạo/ sắp xếp/ tổ chức/ thiết kế/ khái quát hóa các chi tiết/ bộ phận theo cách khác/ mới để tạo ra cấu trúc/ mô hình/ sản phẩm mới.

5. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 150 tín chỉ

(không bao gồm khối kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

6. Phân bổ khối lượng các khối kiến thức

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ
KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		61
A. Khối kiến thức bắt buộc		52
I. Lý luận chính trị + Pháp luật		13
1	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2
2	Triết học Mác-Lênin	3
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2

4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
6	Pháp luật đại cương	2
II. Mỹ thuật		24
1	Lịch sử mỹ thuật Thế Giới và Việt Nam	2
2	Mỹ học	2
3	Nguyên lý thị giác	2
4	Hình họa 1	5(3+2)
5	Nghệ thuật ký họa	2(1+1)
6	Luật sở hữu trí tuệ	2
7	Hình họa 2	5(2+3)
8	Trang trí cơ bản	4(2+2)
III. Ngoại ngữ		12
1	Anh văn 1	3
2	Anh văn 2	3
3	Anh văn 3	3
4	Anh văn 4	3
IV. Nhập môn ngành		3(2+1)
B. Phần tự chọn		9
V. Tin học		3
1	Đồ họa ứng dụng	3(2+1)
VI. Khoa học xã hội nhân văn (theo danh mục)		6
C. Khối kiến thức GDTC + GDQP		
VII. Giáo dục thể chất		
1	Giáo dục thể chất 1	1
2	Giáo dục thể chất 2	1
3	Tự chọn <i>Giáo dục thể chất 3</i>	3
VIII. Giáo dục quốc phòng		165 tiết
KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGHIỆP		89
Cơ sở nhóm ngành và ngành		72
Cơ sở ngành		
Chuyên ngành		
Thí nghiệm, thực tập, thực hành		6
Thực tập tốt nghiệp		4
Khóa luận tốt nghiệp		7

7. Nội dung chương trình

A – Phần bắt buộc

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
01	LLCT120205	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	
02	LLCT130105	Triết học Mác – Lênin	3	
03	LLCT120405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
04	LLCT220514	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	
05	LLCT120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
06	GELA220405	Pháp luật đại cương	2	
07	HWVF120156	Lịch sử mỹ thuật Thế Giới và Việt Nam	2	
08	AEST220252	Mỹ học	2	
09	PRVI120652	Nguyên lý thị giác	2	
10	DRAW150756	Hình họa 1	5(3+2)	
11	SKET221956	Nghệ thuật ký họa	2(1+1)	
12	SHTT224156	Luật sở hữu trí tuệ	2	
13	DRAW250856	Hình họa 2	5(2+3)	DRAW150756 SKET221956
14	BADE333056	Trang trí cơ bản	3(1+2)	
15	IGDE132556	Nhập môn ngành Thiết kế đồ họa	3(2+1)	
16	GDEA132056	Đồ họa ứng dụng	3(2+1)	
17	ENGL130137	Anh văn 1	3	
18	ENGL230237	Anh văn 2	3	
19	ENGL330337	Anh văn 3	3	
20	ENGL430437	Anh văn 4	3	
Tổng			54	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
01	PHED110513	Giáo dục thể chất 1	1	
02	PHED110613	Giáo dục thể chất 2	1	
03	PHED130715	Giáo dục thể chất 3	3	
04		Giáo dục quốc phòng	165 tiết	

7.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.1 Kiến thức cơ sở nhóm ngành và ngành

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
01	ENGD332756	Anh văn chuyên ngành TKĐH	3	
02	LAUT342856	Bố cục tạo hình	4(2+2)	DRAW150756 SKET221956

				BADE333056
03	PRTE232055	Công nghệ in 2	3(2+1)	
04	PRPT312155	Đồ án công nghệ in	1	PRTE232055
05	CRID343356	Ý tưởng sáng tạo	4(2+2)	DRAW150756 SKET221956 BADE333056
06	PHTO333456	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3(2+1)	
07	PRGD323556	Phối cảnh trong TK, quảng cáo, minh họa	2(1+1)	
08	PRPH313656	Đồ án nhiếp ảnh	1	PHTO333456
Tổng			21	

7.2.2.a Kiến thức chuyên ngành (cho các học phần lý thuyết và thí nghiệm)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
01	GRDE443756	Trang trí chuyên ngành đồ họa	4(2+2)	BADE333056
02	IMAD443856	Ý tưởng kịch bản quảng cáo truyền thông	4(2+2)	DRAW150756 SKET221956 BADE333056
03	TYPO443956	Nghệ thuật chữ	4(2+2)	
04	BRDE434056	Thiết kế 3 (TK AP nhận diện thương hiệu)	3(1+2)	
05	DEMA422256	Quản lý thiết kế	2	
06	CPDE421957	Thiết kế 4 (Thiết kế cấu trúc bao bì)	2(1+1)	
07	PADE434156	Thiết kế 5 (Thiết kế bao bì nhãn hiệu)	3(1+2)	CPDE421957
08	ILDE444356	Thiết kế 6 (Thiết kế minh họa)	4(2+2)	
09	MADE434256	Thiết kế 7 (Thiết kế tạp chí, catalogue)	3(1+2)	
10	PODE434456	Thiết kế 8 (Thiết kế Poster)	3(1+2)	
11	CADE434556	Thiết kế 9 (Thiết kế Lịch, Thiệp)	3(1+2)	
12	ADDE434656	Thiết kế 10 (Thiết kế quảng cáo)	3(1+2)	
13	DPRF431556	Kiểm tra và Xử lý dữ liệu	3	PRTE232055
Tổng			39	

7.2.2.b Kiến thức chuyên ngành (các học phần thực hành xưởng, thực tập công nghiệp)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
01	PRIP310956	Thực tập 1 (Thực tập xử lý ảnh)	1	
02	PRCG311056	Thực tập 2 (Thực tập đồ họa)	1	
03	PRLT311156	Thực tập 3 (Thực tập dàn trang)	1	
04	INGD142456	Thực tập 4 (Thực tập ảnh động)	1	
05	PRSK323156	Thực tập 5 (Thực tập ký họa)	2	SKET221956

06	WOPR424856	Thực tập tốt nghiệp	4	
Tổng			10	

7.2.3 Tốt nghiệp

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
01	THES474956	Khóa luận tốt nghiệp	7	
02	SPTO435256	Chuyên đề tốt nghiệp	3	
Tổng			10	

B – Phần tự chọn:

Khối kiến thức các học phần thuộc nhóm Khoa học xã hội – nhân văn: 6TC (SV chọn 3 trong các học phần sau):

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
01	GEEC220105	Kinh tế học đại cương	2	
02	INMA220305	Nhập môn Quản trị học	2	
03	PLSK320605	Kỹ năng xây dựng kế hoạch	2	
04	INSO321005	Nhập môn xã hội học	2	
05	REME320690	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
06	LESK120190	Kỹ năng học tập đại học	2	
07	INMA225056	Lịch sử văn minh thế giới	2	
08	SYTH220505	Tư duy hệ thống	2	
09	IVNC320905	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	
Tổng			6	

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (Sinh viên chọn 6TC trong các học phần sau):

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
01	PRTE333256	Công nghệ chế bản	3	PRTE232055
02	POST332157	Công nghệ gia công sau in	3	PRTE232055
03	DESI335056	Thiết kế 1 (Thiết kế 3D)	3(2+1)	
04	DEWE335156	Thiết kế 2 (Thiết kế giao diện Web)	3(2+1)	
Tổng			6	

C – Kiến thức liên ngành:

- Sinh viên có thể chọn 6 tín chỉ liên ngành (trong khoa hoặc trong trường) để thay thế cho các học phần chuyên ngành trong phần tự chọn:

- Xem danh sách các học phần được đề xuất bên dưới, hoặc Sinh viên có thể tự chọn các học phần nằm ngoài danh sách được đề xuất trên tinh thần các học phần hỗ trợ hướng phát triển nghề nghiệp sau này. SV nên nhờ tư vấn thêm từ Ban tư vấn để có sự lựa chọn phù hợp.

Sinh viên chọn 1 trong 3 hướng sau:

STT	Mã học phần	Đề xuất tên học phần liên ngành	Số tín chỉ	Ghi chú
01	COMA431756	Quản trị màu	3	Hướng 1
02	VAAD421057	CN TP sách và gia tăng giá trị tờ in	3	
03	WODE231452	Thiết kế trang phục nữ	3	Hướng 2
04	MEDE231452	Thiết kế trang phục nam	3	
05	DEIP331225	Thiết kế sản phẩm công nghiệp	3	Hướng 3
Tổng			6	

D – Các học phần MOOC (Massive Open Online Courses):

Nhằm tạo điều kiện tăng cường khả năng tiếp cận với các chương trình đào tạo tiên tiến, SV có thể tự chọn các khóa học online đề xuất trong bảng sau để xét tương đương với các học phần có trong chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần được xét tương đương MOOC (đường link đăng ký)
1.	LAUT342856	Bố cục tạo hình	4(2+2)	https://www.edx.org/course/design-theory
2.	TYPO443956	Nghệ thuật chữ	4(2+2)	https://www.coursera.org/learn/typography

E – Học phần liên kết doanh nghiệp: Chương trình dành ra 2tc để tổ chức các buổi báo cáo chuyên đề của doanh nghiệp. Mỗi buổi báo cáo tương ứng 5 tiết. Nội dung do Khoa quyết định.

F – Lãnh đạo và kinh doanh trong mỹ thuật: Sinh viên sẽ được bố trí 2 tín chỉ đi thực tế tại doanh nghiệp vào cuối học kỳ 4. Đây được xem là điều kiện cần để sinh viên được đăng ký thực tập tốt nghiệp vào học kỳ 7.

8. Kế hoạch giảng dạy

Các học phần không xếp vào kế hoạch giảng dạy, Phòng Đào tạo sẽ mở lớp trong các học kỳ để sinh viên tự lên kế hoạch học tập:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	ENGL130137	Anh văn 1	3	
2.	ENGL230237	Anh văn 2	3	
3.	ENGL330337	Anh văn 3	3	

4.	ENGL430437	Anh văn 4	3	
5.	GELA220405	Pháp luật đại cương	2	
6.	PHED110613	Giáo dục thể chất 2	1	
7.	PHED130715	Giáo dục thể chất 3	3	

Học kỳ 1:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
01	LLCT120205	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	
	LLCT130105	Triết học Mác – Lênin	3	
02	PHED110513	Giáo dục thể chất 1	1	
03	GDEA132056	Đồ họa ứng dụng	3(2+1)	
04	SKET221956	Nghệ thuật ký họa	2(1+1)	
05	DRAW150756	Hình họa 1	5(2+3)	
06	IGDE132556	Nhập môn ngành TKĐH	3(2+1)	
07	AEST220252	Mỹ học	2	
08	PRVI120652	Nguyên lý thị giác	2	
Tổng			23(17+6)	

Học kỳ 2:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
01	PRGD323556	Phối cảnh trong TK, quảng cáo, minh họa	2(1+1)	
02		Tự chọn KHXH&NV (1)	2	
03	BADE333056	Trang trí cơ bản	3(1+2)	
04	PHTO333456	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3(2+1)	
05	ENGD332756	Anh văn chuyên ngành TKĐH	3	
06		Tự chọn KHXH&NV (2)	2	
07	PRIP310956	Thực tập 1 (Thực tập xử lý ảnh)	1	
08	PRCG311056	Thực tập 2 (Thực tập đồ họa)	1	
09	LLCT120405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	LLCT130105
10	LLCT220514	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	LLCT130105
Tổng			21(17+4)	

Học kỳ 3:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
01	SHTT224156	Luật sở hữu trí tuệ	2	
02		Tự chọn KHXH&NV (3)	2	

03	DRAW250856	Hình họa 2	5(2+3)	DRAW150756
04	GRDE443756	Trang trí chuyên ngành đồ họa	4(2+2)	BADE333056
05	HWVF120156	Lịch sử mỹ thuật Thế Giới và Việt Nam	2	
06	PRPH313656	Đồ án nhiếp ảnh	1	PHTO333456
07	PRLT311156	Thực tập 3 (Thực tập dàn trang)	1	
08	PRGI312456	Thực tập 4 (Thực tập ảnh động)	1	
09	LLCT120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	LLCT130105
Tổng			20(15+5)	

Học kỳ 4:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
01	PRSK323156	Thực tập 5 (Thực tập ký họa) - An	2	SKET221956
02	LAUT342856	Bố cục tạo hình - Trâm	4(2+2)	DRAW150756
03	TYPO443956	Nghệ thuật chữ - Khôi	4(2+2)	
04	PRTE232055	Công nghệ in 2 - Giang	3(2+1)	
05	DEMA422256	Quản lý thiết kế - Cô Tiên	2	+ TK4_CGian
06	COOP425356	Liên kết doanh nghiệp	2	
Tổng			17(12+5)	

Học kỳ 5:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
01		Tự chọn Cơ sở ngành (1)	3(2+1)	
04	BRDE434056	Thiết kế 3 (TKAP nhận diện thương hiệu)	3(1+2)	
02	CPDE421957	Thiết kế 4 (Thiết kế cấu trúc bao bì)	2(1+1)	
03	PADE434156	Thiết kế 5 (Thiết kế bao bì nhãn hiệu)	3(1+2)	CPDE421957
05	ILDE444356	Thiết kế 6 (Thiết kế minh họa)	4(2+2)	
06		Tự chọn Cơ sở ngành (2)	3(2+1)	
07	PRPT312155	Đồ án Công nghệ in 2	1	PRTE232055
Tổng			19(10+9)	

Học kỳ 6:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
01	IMAD443856	Ý tưởng kịch bản quảng cáo truyền thông _ Khôi	4(2+2)	DRAW150756
02	CRID343356	Ý tưởng sáng tạo _ Trâm	4(2+2)	
03	MADE434256	Thiết kế 7 (Thiết kế tạp chí, catalogue)	3(1+2)	Thương

04	PODE434456	Thiết kế 8 (Thiết kế Poster)	3(1+2)	Hàng
05	CADE434556	Thiết kế 9 (Thiết kế Lịch, Thiệp)	3(1+2)	Cường 3D2
06	DPRF431556	Kiểm tra và Xử lý dữ liệu_Danh	3(1+2)	PRTE232055
Tổng			20(8+12)	

Học kỳ 7:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
01	WOPR424856	Thực tập tốt nghiệp	4	
Tổng			4	

Học kỳ 8:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
01	ADDE434656	Thiết kế 10 (Thiết kế quảng cáo)	3(1+2)	????
02	THES474956	Khóa luận tốt nghiệp	7	
03	SPTO435256	Chuyên đề tốt nghiệp	3	
Tổng			13(11+2)	

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

9.1. Pháp luật đại cương

2 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 2(2,0,4)
- Học phần trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Pháp luật là hệ thống quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do Nhà Nước ban hành. Các quy định của pháp luật tác động đến tất cả mọi người, đến tất cả lĩnh vực. Một trong những nghĩa vụ của công dân là “sống và làm việc theo pháp luật”. Học phần Pháp luật đại cương trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Nhà Nước và pháp luật. Người học sẽ được cung cấp các khái niệm, thuật ngữ pháp lý cũng như các kiến thức về cấu trúc, chức năng của bộ máy Nhà Nước Việt Nam, các quy định của các ngành luật để người học có thể tham gia vào các quan hệ pháp luật một cách chủ động, hiệu quả.

9.2. Các nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin

5 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 5(5,0,10)
- Học phần trước: Không

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Ngoài chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về CN Mác – Lênin và một số vấn đề chung của học phần. Căn cứ vào mục tiêu học phần, nội dung chương trình học phần được cấu trúc thành ba phần, 9 chương.

Phần thứ nhất có 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận triết học của CN Mác – Lênin.

Phần thứ hai có 3 chương trình bày 3 nội dung trọng tâm là học thuyết kinh tế của CN Mác – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Phần thứ 3 có 3 chương, trong đó có 2 chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của CN Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội và 1 chương khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

9.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh

2 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 2(2,0,4)

- Học phần trước: Không

- Học phần tiên quyết: Các nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Ngoài chương mở đầu, nội dung học phần gồm 7 chương: Chương I, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; Từ Chương II đến Chương VII trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu của học phần.

9.4. Đường lối CM của ĐCS Việt Nam

3 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)

- Học phần trước: Không

- Học phần tiên quyết: Các nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung chủ yếu của học phần là cung cấp, trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới, trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội. Ngoài chương mở đầu, nội dung học phần gồm 08 chương:

Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; Chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); Chương IV: Đường lối công nghiệp hoá; Chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; Chương VII: Đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội; Chương VIII: Đường lối đối ngoại.

9.5. Giáo dục thể chất 1

1 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 1(0,1,2)
- Học phần trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức khái quát về lịch sử phát triển thể thao và phong trào Olympic, lợi ích của việc tập luyện TDTT và các nguyên tắc, phương pháp tập luyện TDTT. Kỹ thuật nhảy xa kiểu uốn thân và chạy cự ly trung bình. Các bài test kiểm tra tiêu chuẩn rèn luyện thân thể theo quy định của Bộ Giáo dục đào tạo.

9.6. Giáo dục thể chất 2

1 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 1(0,1,2)
- Học phần trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Khái quát lịch sử phát triển, đặc điểm, tác dụng, luật thi đấu môn bóng chuyền. Kỹ thuật di chuyển, đệm bóng (chuyền bóng thấp tay), chuyền bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, kỹ thuật đập bóng, chắn bóng, đội hình thi đấu.

9.7. Giáo dục thể chất 3

3 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 3(0,3,6)
- Học phần trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Sinh viên chọn 1 trong các học phần:

Bóng đá: Giúp sinh viên nắm được những điều luật cơ bản, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài và các nguyên lý kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá. Có khả năng thực hiện những kỹ thuật cơ bản và kỹ năng vận động của môn bóng đá. Có thể tự rèn luyện để tham gia thi đấu giải thể thao cấp cơ sở.

Cầu lông: Khái quát lịch sử phát triển môn cầu lông, đặc điểm, tác dụng của tập luyện cầu lông đối với người tập, luật thi đấu môn cầu lông, công tác tổ chức thi đấu, trọng tài. Các nguyên lý kỹ thuật cơ bản: Kỹ thuật di chuyển, cách cầm vợt, cầm cầu, kỹ thuật phát cầu, đánh cầu bổng cao tay, kỹ thuật đập cầu, bả nhỏ, chiến thuật. luật thi đấu.

Karatedo: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môn võ Karatedo. Ý nghĩa, tác dụng, lịch sử phát triển, những nghi thức, thuật ngữ kỹ thuật, hệ thống kỹ thuật, quyền thuật, đối luyện, các kỹ thuật tự vệ và luật thi đấu môn Karatedo.

Taekwondo: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môn võ Taekwondo. Ý nghĩa, tác dụng, lịch sử phát triển, những nghi thức, thuật ngữ kỹ thuật, hệ thống kỹ thuật, quyền thuật, đối luyện, các kỹ thuật tự vệ và luật thi đấu môn Taekwondo.

9.8. Đồ họa ứng dụng

3 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 3(2,1,6)

- Học phần trước: Không

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về tin học ứng dụng trong ngành Thiết kế đồ họa: xử lý ảnh, đồ họa, dàn trang... làm cơ sở cho sinh viên học các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành sau này.

9.9. Nghệ thuật ký họa

2 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 2(1,1,4)

- Học phần trước: Không

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp các kiến thức vẽ ký họa các đối tượng khác nhau, và rèn luyện kỹ năng vẽ nhanh, ký họa để làm tài liệu bố cục trang, ký họa làm tài liệu trang trí ký họa trực tiếp thành tranh ký họa, ký họa để ghi nhớ,... từ đó sinh viên có thể áp dụng để ghi lại hình ảnh, ý tưởng và sự kiện phục vụ cho công tác thiết kế và phát triển ý tưởng trong lĩnh vực thiết kế đồ họa

9.10. Hình họa 1

5 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 5(2,3,10)

- Học phần trước: Không

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Sinh viên được cung cấp Kiến thức cơ bản về bố cục trong hình họa khối; được hướng dẫn phương pháp nghiên cứu và vẽ các hình khối cơ bản, các đầu tượng và tượng bán thân thạch cao. Đồng

thời cung cấp cho sinh viên các cách thức xây dựng hình và cách lên bóng, vẽ hình họa khối cơ bản và đồ vật.

9.11. Nhập môn ngành Thiết kế đồ họa

3 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 3(2,1,6)

- Học phần trước: Không

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần nhập môn ngành được thiết kế để giúp sinh viên năm thứ nhất làm quen với môi trường mới và tiến bước thành công trên con đường trở thành Cử nhân thiết kế đồ họa tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM.

Học phần này trang bị cho sinh viên về định hướng nghề nghiệp, các kỹ năng mềm cũng như nền tảng đạo đức nghề nghiệp. Các kiến thức cung cấp bao gồm:

❖ Các kiến thức cơ bản về trường ĐHSPKT:

- Mô tả được sơ đồ tổ chức, định hướng của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh, Khoa In và Truyền thông, sơ đồ tổ chức của Đoàn thanh niên, các hoạt động của các câu lạc bộ của trường.

❖ Các kiến thức cơ bản về ngành thiết kế đồ họa:

- Vai trò vị trí của ngành thiết kế đồ họa trong đời sống xã hội.
- Xu hướng phát triển của ngành thiết kế đồ họa.
- Các sản phẩm của ngành thiết kế đồ họa.
- Thị trường lao động ngành thiết kế đồ họa.
- Các cơ hội nghề nghiệp của các cử nhân thiết kế đồ họa.

❖ Các kiến thức cơ bản về chương trình đào tạo kỹ sư công nghệ in

- Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo thiết kế đồ họa.
- Các học phần trong chương trình đào tạo.
- Sơ đồ chương trình đào tạo.
- Hướng phát triển sau khi ra trường.

❖ Các kiến thức kỹ năng mềm cần thiết cho quá trình học tập:

- Các phương pháp tìm kiếm, phân loại và xử lý thông tin.
- Kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, soạn thảo báo cáo và thuyết trình, kỹ năng lãnh đạo, quản lý dự án, khởi nghiệp, học tập suốt đời...
- Kỹ năng quản lý hiệu quả thời gian và nguồn lực bản thân.
- Kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh.

- Sinh viên cũng được học về nguồn gốc ra đời của ngành đồ họa, các lĩnh vực ứng dụng thiết kế đồ họa, các phương tiện, các xu hướng phát triển của thiết kế đồ họa. Sinh viên được giới thiệu rõ ràng các khả năng của một nhà thiết kế chuyên nghiệp để hiểu rõ công việc của mình sau khi ra trường.

9.12. Mỹ học

2 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 2(2,0,4)
- Học phần trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về cách nhìn nhận, đánh giá về cái đẹp trong thiên nhiên, trong nghệ thuật và trong xã hội, về mối quan hệ biện chứng giữa nội dung và hình thức, về thị hiếu thẩm mỹ, nhận thức thẩm mỹ..., để từ đó áp dụng vào chuyên môn, cuộc sống một cách có hiệu quả. Mặt khác, học phần còn giúp cho sinh viên hiểu được quá trình sáng tạo nên tác phẩm nghệ thuật, những yếu tố cần và đủ để làm nên tác phẩm/sản phẩm có tính thẩm mỹ cao.

9.13. Nguyên lý thị giác

2 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 2(2,0,4)
- Học phần trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ của các tín hiệu thị giác, các nguyên lý sáng tạo, các công thức và thủ pháp bố cục cơ bản cần thiết trong quá trình thiết kế đồ họa.

9.14. Phối cảnh trong thiết kế, quảng cáo, minh họa

2 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 2(1,1,4)
- Học phần trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Cung cấp những kiến thức cơ bản về quy luật phối cảnh, ứng dụng hiệu ứng phối cảnh đối với thị giác trong các quảng cáo minh họa thuộc về thiết kế đồ họa như vẽ kịch bản quảng cáo truyền hình(Story board), minh họa truyện tranh... Có kỹ năng vẽ phối cảnh xa gần của các đối tượng, vật thể nằm trong không gian ba chiều lên mặt phẳng hai chiều; kỹ năng xử lý phối cảnh các góc nhìn của phong nền bố cục (background), kỹ năng ứng dụng phối cảnh tạo nên những hiệu ứng ấn tượng cho thị giác.

9.15. Kinh tế học đại cương

2 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 2(2,0,4)
- Học phần trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Môn Kinh tế học đại cương cung cấp cho sinh viên chuyên ngành kinh tế những nguyên lý cơ bản để phân tích hoạt động kinh tế đang diễn ra trong nền kinh tế thị trường dưới góc độ vi mô cũng như vĩ mô. Với những kiến thức được cung cấp từ học phần này, người học sẽ có cái nhìn năng động và hệ thống về các hoạt động kinh tế trong thực tiễn của nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng các nguyên lý, các quy luật kinh tế để xử lý tình huống cụ thể.

9.16. Nhập môn quản trị học

2 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 2(2,0,4)

- Học phần trước: Không

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị, bao gồm những yếu tố môi trường tổng quát nhất tác động đến doanh nghiệp và những chức năng cơ bản của quản trị trong tổ chức kinh doanh, bao gồm: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, và kiểm tra.

Bên cạnh đó, các hoạt động trên lớp được thiết kế để nâng cao kỹ năng tìm kiếm thông tin, nói chuyện trước đám đông, tư duy phản biện của sinh viên.

9.17. Kỹ năng xây dựng kế hoạch

2 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 2(2,0,4)

- Học phần trước: Không

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp xây dựng kế hoạch. Hướng dẫn cho người học các kỹ năng tư duy và tìm kiếm giải pháp phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh bản thân để từ đó người học xây dựng cho mình kế hoạch học tập, kế hoạch cho công việc phù hợp và hiệu quả. Ngoài ra còn hướng dẫn người học cách thức quản lý thời gian và sắp xếp công việc hiệu quả.

9.18. Nhập môn xã hội học

2 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 2(2,0,4)

- Học phần trước: Không

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên về hệ thống lý thuyết cơ bản của môn xã hội học: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học; kược khảo lịch sử ra đời và phát triển của xã hội học; phương pháp nghiên cứu của xã hội học; thế nào là: cá nhân và xã hội. những khái niệm và phạm trù cơ bản của xã hội học; di động xã hội và biến đổi xã hội; văn hóa xã hội; dư luận xã hội và thông tin đại chúng; xã hội học nông thôn; xã hội học đô thị; xã hội học gia đình.

9.19. Phương pháp nghiên cứu khoa học

2 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 2(2,0,4)

- Học phần trước: Không

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Trong quá trình đào tạo ở trường Đại học, sinh viên không chỉ lĩnh hội tri thức từ phía giáo viên, mà học còn phải tự học và tự nghiên cứu. Từ tự giác, tích cực và sáng tạo, sinh viên sẽ tìm ra cái mới nhằm giải thích sâu sắc hay có lời giải phù hợp đó chính là sinh viên đã nghiên cứu khoa học. Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học bao gồm những nội dung về các khái niệm, qui trình và cấu trúc... Để từ đó sinh viên định hướng được việc lựa chọn đề tài nghiên cứu, soạn được đề cương và áp dụng được các phương pháp nghiên cứu trong khi thu thập và xử lý thông tin hợp lý trong khi tiến hành công trình nghiên cứu khoa học. Sinh viên sẽ chủ động trong việc đăng ký thực hiện đề tài nghiên cứu cấp trường cũng như tiến hành luận văn tốt nghiệp hay đề án tốt nghiệp một cách khoa học và thành công.

9.20. Kỹ năng học tập đại học

2 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 2(2,0,4)

- Học phần trước: Không

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần “Kỹ năng học tập đại học” trang bị cho người học những kiến thức về phương pháp học tập ở đại học để sinh viên áp dụng rèn luyện hình thành các kỹ năng học tập ở bậc đại học, nhằm vận dụng được các kỹ năng này trong quá trình học tập ở trường đại học và sau này nhằm nâng cao hiệu quả học tập và nghiên cứu của bản thân. Qua học phần này hình thành ở người học khả năng tổ chức và thực hiện học tập một cách hệ thống, logic và khoa học.

9.21. Lịch sử văn minh thế giới

2 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 2(2,0,4)

- Học phần trước: Không

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần giúp người học có những kiến thức cơ bản về lịch sử văn minh thế giới trước khi tiếp cận các môn chuyên ngành Luật. Nội dung học phần cung cấp cho người học có thể có đó được những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển của các trung tâm văn minh tiêu biểu trên thế giới. Qua đó, người học cũng có thể hiểu sâu hơn một số khái niệm liên quan đến học phần; nắm vững về cơ sở hình thành và những thành tựu nổi bật của một số trung tâm văn minh trên thế giới; tìm hiểu về phương pháp tiếp cận và nghiên cứu một nền văn minh, từ đó rút ra một số quy luật chung về quá trình hình thành, phát triển của văn minh nhân loại.

9.22. Tư duy hệ thống

2 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 2(2,0,4)
- Học phần trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức: tổng quan về hệ thống; tư duy đề sống, học tập và làm việc hiệu quả hơn; phương pháp luận tư duy hệ thống; các phương pháp tư duy và tìm kiếm giải pháp sáng tạo.

9.23. Cơ sở văn hóa Việt Nam

2 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 2(2,0,4)
- Học phần trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên: cấu trúc văn hóa đa tộc người và các vùng văn hóa Việt Nam; văn hóa Việt Nam – cách nhìn và cách tri nhận; giúp sinh viên tham khảo và nghiên cứu các tiêu chí hình thành các vùng văn hóa Việt Nam. Trên cơ sở đó, sinh viên nhận diện được nền văn hóa dân tộc.

9.24. Trang trí cơ bản

3 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 3(1,2,6)
- Học phần trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản để nhận biết màu sắc, hình khối, tập cách thể hiện những tông màu nóng- lạnh, tập cách sắp xếp bố cục các hình khối có hiệu quả, làm quen với việc biến hình thể thật của sự vật thành ngôn ngữ trang trí, trang trí được những bài tập cơ bản như hình vuông, đường diềm ..., là tiền đề để phát triển ý tưởng thiết kế.

9.25. Nghệ thuật nhiếp ảnh

3 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 3(2,1,6)

- Học phần trước: Không

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần giúp sinh viên làm quen với cấu trúc cơ bản của máy ảnh, phân biệt sơ bộ các dòng máy ảnh, hiểu biết sơ lược về ống kính và các phụ kiện cho máy ảnh. Học phần cũng giúp sinh viên có khái niệm về các thể loại cơ bản của nhiếp ảnh: chân dung, phong cảnh, bố cục sinh hoạt; cũng như có hiểu biết về các chế độ chụp của máy ảnh.

9.26. Anh văn chuyên ngành Thiết kế đồ họa

3 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)

- Học phần trước: Không

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần nhằm củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng Anh văn chuyên ngành bằng cách thông qua các bài đọc chọn lọc có nội dung liên quan đến ngành thiết kế đồ họa. Sinh viên được hướng dẫn:

* Cách thức xử lý một đoạn văn như: đọc lướt để nắm ý chung của đoạn văn, đọc lấy thông tin chi tiết, chuyển các thông tin trong một đoạn văn vào các biểu bản, đồ thị, sơ đồ, lưu đồ.... và ngược lại.

* Phân tích cấu trúc các câu để hiểu hoàn toàn chính xác nội dung các câu.

* Đoán ý nghĩa các từ không biết nhờ cấu tạo từ và ngữ cảnh.

* Tóm tắt ý chính đoạn văn. Xác định ý các câu chủ đề.

* Hiểu chính xác ý nghĩa và phát âm chuẩn một số từ chuyên môn thường gặp trong ngành thiết kế đồ họa.

* Áp dụng được một số mẫu câu đàm thoại chuẩn để trao đổi nội dung chuyên môn bằng Anh ngữ.

* Viết các bài ngắn có nội dung liên quan ngành thiết kế đồ họa trên cơ sở khai triển ý chính với các chi tiết phù hợp về ý và ngữ pháp.

9.27. Thực tập 1 (Thực tập xử lý ảnh)

1 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 1(0,1,2)

- Học phần trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần rèn luyện cho người học những kỹ năng cơ bản về kỹ thuật xử lý hình ảnh như: thực hiện được các lệnh cơ bản trong phần mềm xử lý ảnh; chọn hình ảnh và vùng hình ảnh để xử lý; cắt ghép hình ảnh; chỉnh sửa hình ảnh, chỉnh sửa màu sắc hình ảnh, thay đổi hệ màu của hình ảnh cho phù hợp với công nghệ in; xác lập kích thước; độ phân giải hình ảnh phù hợp cho từng công nghệ in; kiểm tra tổng quát chất lượng tài liệu trước khi in; in tài liệu.

9.28. Thực tập 2 (Thực tập đồ họa)

1 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 1(0,1,2)
- Học phần trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần rèn luyện cho người học những kỹ năng cơ bản về kỹ thuật đồ họa: thực hiện được các lệnh cơ bản trong phần mềm đồ họa; vẽ được các hình cơ bản; xử lý chữ trong phần mềm đồ họa; chọn được các đối tượng để thực hiện các thao tác xử lý; kết hợp các hình cơ bản thành các hình phức tạp; nhập hình ảnh và thu phóng hình ảnh; kỹ năng cơ bản khi pha màu và tô màu trong các phần mềm đồ họa; kiểm tra tổng quát chất lượng tài liệu trước khi in; in tài liệu.

9.29. Luật sở hữu trí tuệ

2 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 2(2,0,4)
- Học phần trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp, tên thương mại, những vấn đề liên quan đến bản quyền sản phẩm, tác phẩm, luật xuất bản. Từ đó, bảo vệ những sản phẩm/tác phẩm sáng tạo của mình, biết tôn trọng công sức của người khác, tôn trọng đạo đức nghề nghiệp.

9.30. Hình họa 2

5 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 5(2,3,10)
- Học phần trước: Không
- Học phần tiên quyết: Hình họa 1

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Sinh viên được hướng dẫn phương pháp nghiên cứu và vẽ các bài học nâng cao: tượng bán thân và toàn thân. Đồng thời hướng dẫn sinh viên rèn luyện kỹ năng nâng cao về bút pháp, chất liệu vẽ, củng cố kiến thức về phương pháp xây dựng hình vẽ người toàn thân hoàn chỉnh.

9.31. Trang trí chuyên ngành đồ họa

4 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 4(2,2,8)

- Học phần trước: Không

- Học phần tiên quyết: Trang trí cơ bản

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp những kiến thức về trang trí chuyên ngành đồ họa: bố cục, nguyên tắc thị giác trong đồ họa, khoa học màu sắc, nghiên cứu thiên nhiên... Người học được phát triển kỹ năng cách thức xây dựng những mô-tip trang trí dựa trên các đối tượng thật, ứng dụng các phương pháp hòa sắc vào trang trí ấn phẩm đồ họa thông qua việc vẽ tay, phác thảo ý tưởng và phát triển các phương án trên các phần mềm máy tính nhằm làm tăng tính thẩm mỹ và giá trị của ấn phẩm.

9.32. Lịch sử mỹ thuật Thế Giới và Việt Nam

2 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 2(2,0,4)

- Học phần trước: Không

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lịch sử mỹ thuật từ thời nguyên thủy cho đến thời hiện đại của Việt Nam và Thế Giới. Qua đó, người học hiểu thêm về con người, các hiện vật, các tác phẩm nghệ thuật tạo hình..., của từng giai đoạn lịch sử. Từ đó, có thể áp dụng các kiến thức đã học vào việc phát triển ý tưởng thiết kế thời trang.

9.33. Đồ án nhiếp ảnh

1 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 1(0,1,2)

- Học phần trước: Không

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần yêu cầu sinh viên thực tập chụp ảnh tại một tỉnh xoay quanh các chủ đề về chân dung con người, sự vật, phong cảnh, cảnh sinh hoạt... với mục đích quảng cáo cho một thương hiệu hay

một đề tài xã hội nào đó. Nhờ tính xác thực của học phần, sinh viên có điều kiện trình bày những ý tưởng của mình chính xác hơn từ những cảm xúc chân thật và đặc biệt của từng cá nhân.

9.34. Thực tập 3 (Thực tập dàn trang)

1 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 1(0,1,2)
- Học phần trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần rèn luyện cho người học những kỹ năng cơ bản về kỹ thuật dàn trang sách, báo, tạp chí: kỹ năng nhập dữ liệu, kỹ năng làm việc với chữ, đoạn văn bản, khoảng cách dòng, khoảng cách giữa các từ, các ký tự...; kỹ năng nhập hình ảnh, thu phóng hình ảnh. Kỹ năng cơ bản khi pha màu và tô màu trong các phần mềm dàn trang; kỹ năng cơ bản khi làm việc với tài liệu có nhiều trang: trang chủ, đánh số trang tự động; kiểm tra tổng quát chất lượng tài liệu dàn trang trước khi in, in tài liệu.

9.35. Thực tập 4 (Thực tập ảnh động)

1 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 1(0,1,2)
- Học phần trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ứng dụng tin học trong quá trình thiết kế sản phẩm đồ họa. Học phần giới thiệu chi tiết các phương pháp ứng dụng phần mềm đồ họa chuyên dùng và kỹ thuật xử lý ảnh cơ bản để thiết kế các hình ảnh động. Cung cấp cho sinh viên kỹ năng tạo hình ảnh động. Từ đó, sinh viên có thể áp dụng kiến thức và kỹ năng vẽ bằng máy vào những học phần chuyên ngành.

9.36. Thực tập 5 (Thực tập ký họa)

2 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 2(0,2,4)
- Học phần trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần giúp sinh viên củng cố lại kỹ năng tập vẽ nhanh: người, phong cảnh, đồ vật, con vật... đã học ở môn ký họa. Đây là môn đồ án quan trọng vì sinh viên sẽ trực tiếp tham gia vào thức tế để ghi nhận thực tế một cách chân thật nhất với đầy những yếu tố bất ngờ từ cuộc sống, không như những sắp xếp các em đã được học trên lớp; học phần cũng giúp các em cảm nhận mối liên quan

của những chất liệu đã học như chì, than, bút sắt, màu nước, phấn màu, bột màu... với cảnh quan thực tế, từ đó các em có những cảm xúc về chất chính xác hơn trong quá trình thiết kế.

9.37. Bố cục tạo hình

4 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 4(2,2,8)
- Học phần trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Tư duy bố cục là kỹ năng mà một sinh viên ngành thiết kế vô cùng cần thiết. Học phần giúp sinh viên phát triển và phối hợp các tư duy từ hình họa và ký họa để tạo dáng cho mẫu người, rồi tạo hình mẫu cùng bối cảnh xung quanh xây dựng nên các giải pháp bố cục thuận mắt. Học phần giúp sinh viên có tư duy sắp đặt về bố cục và tạo hình- dáng cho nhân vật.

9.38. Nghệ thuật chữ

4 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 4(2,2,8)
- Học phần trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Chữ chính là ý tưởng được viết ra thông qua một dạng tín hiệu về thị giác (visual form). Việc lựa chọn một dạng tín hiệu về thị giác từ hàng trăm, hàng ngàn kiểu chữ (typeface) khác nhau có thể ảnh hưởng đáng kể đến sự rõ ràng của việc thể hiện ý tưởng, cũng như cảm xúc của người đọc dành cho nó. Việc sử dụng chữ phù hợp có thể tạo ra những kết quả tác động đến cảm xúc một cách mạnh mẽ, hay thậm chí có thể thể hiện cá tính của một cá nhân hay một tổ chức. Học phần giới thiệu cho sinh viên các kiểu chữ viết tay cơ bản, bên cạnh đó, cung cấp kiến thức cho các em thực tập về cách trình bày bố cục chữ trong thiết kế quảng cáo.

9.39. Công nghệ in 2

3 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 3(2,1,6)
- Học phần trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về:

- . Tổng quan về kỹ thuật in bao gồm: lịch sử phát triển của ngành in; các sản phẩm chính của ngành in; một số đơn vị đo lường trong ngành in; sự phát triển của ngành in trong môi trường

quan với sự phát triển của các phương tiện truyền thông điện tử; các cơ sở lý thuyết và nguyên lý cơ bản về quá trình phục chế bài mẫu màu trong ngành in ; giấy và mực In.

- . Công nghệ chế bản truyền thống.
- . Các công nghệ chế bản hiện đại: công nghệ: CTF; CTP; CTPr.
- . Công nghệ in với bản in không đổi: Offset; Flexo; Ống đồng; Lưới.
- . Công nghệ in NIP.
- . Công nghệ gia tăng giá trị tờ in.
- . Công nghệ định hình các sản phẩm In.

9.40. Quản lý thiết kế

2 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 2(2,0,4)
- Học phần trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp. Trên cơ bản là cung cấp những kiến thức cần thiết để SV có thể tổng hợp và thiết lập bản kế hoạch kinh doanh từ mô tả về hình thức doanh nghiệp, xác định mục tiêu kinh doanh, phân tích thị trường, lên kế hoạch marketing và vận hành doanh nghiệp, dự kiến vốn cần thiết và đánh giá khả năng sinh lợi, khả năng hoàn vốn, và các dự báo hoạt động kinh doanh cần thiết khác nhằm để đón đầu cơ hội làm ăn hay có thể giảm thiểu những rủi ro có thể xảy ra. Việc thu thập thông tin để thực hiện kế hoạch kinh doanh giúp SV nhận dạng sự liên kết giữa các học phần trong chương trình đào tạo, sự phối hợp giữa các bộ phận phòng ban trong doanh nghiệp, và mối quan hệ giữa lý thuyết với thực tiễn.

9.41. Công nghệ chế bản

3 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)
- Học phần trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về màu sắc và ứng dụng của màu sắc trong công nghệ in ; kiến thức về các phương pháp phục chế trong ngành in từ bài mẫu cho đến sản phẩm in, chú trọng đến phục chế theo phương pháp kỹ thuật số. Cơ sở lý thuyết về các công nghệ chế tạo khuôn in của các phương pháp in khác nhau (offset, typô, ống đồng, flexo, in lưới); Hiểu biết cấu trúc vật liệu làm khuôn; biết các thiết bị chính dùng trong quá trình làm khuôn in; Hiểu biết phương pháp kiểm tra chất lượng khuôn in.

9.42. Công nghệ gia công sau in

3 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)
- Học phần trước: Không

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về quá trình gia công sau in bao gồm các công đoạn gia tăng giá trị từ in lần các công đoạn định hình sản phẩm in, cụ thể các kiến thức về: các dạng sản phẩm in; quy trình gia công sau in cho các dạng sản phẩm in (báo, tạp chí, sách bìa mềm, bìa cứng, bao bì các loại, nhãn hàng, văn hóa phẩm); công nghệ, thiết bị, các vật tư sử dụng và các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng các công đoạn trong quá trình gia công sau in (cắt, gấp, bắt cuốn, đóng kim, khâu chỉ, vào bìa keo, đóng sách bìa cứng, tráng phủ, dán ghép màng, ép nhũ, cán bế hộp, dán ghép hộp, định hình túi bao bì mềm); các mối liên hệ giữa khâu thành phẩm và các khâu chế bản, in và ứng dụng trong việc chuẩn bị tốt đầu vào cho khâu sau in (cụ thể trên maquette bình bản, tờ in).

9.43. Thiết kế 1 (Thiết kế 3D)

3 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 3(2,1,6)
- Học phần trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp những kiến thức về tạo mẫu nhân vật, cấu trúc, chất liệu, ánh sáng cho vật thể... Người học có kỹ năng tạo mẫu vật thể giả lập theo khối 3D trên máy tính., ứng dụng trong thiết kế nội thất, tạo hình nhân vật hoạt hình, truyện tranh...

9.44. Thiết kế 2 (Thiết kế giao diện Web)

3 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 3(2,1,6)
- Học phần trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần giúp sinh viên hiểu tổng quan về web và ngôn ngữ HTML, thiết kế được giao diện web cơ bản cho một số ngành nghề, phối hợp những kiến thức đã học về Photoshop, bố cục, màu sắc, nhiếp ảnh, Typography vào việc thiết kế giao diện web. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được cung cấp một số kiến thức về tâm lý chung của khách hàng và cách thức tiếp cận, bảo vệ ý kiến của mình có hiệu quả trước khách hàng.

9.45. Thiết kế 3 (Thiết kế ấn phẩm nhận diện thương hiệu)

3 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 3(1,2,6)
- Học phần trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Hệ thống tín hiệu nhận dạng là nhu cầu thiết yếu của tất cả các công ty, đó là cách để họ quảng bá thương hiệu đến người tiêu dùng. Sinh viên kết hợp những kiến thức của mình về mỹ thuật cơ bản và khả năng sử dụng phần mềm đồ họa để thực tập làm hệ thống tín hiệu nhận dạng thương hiệu gồm thiết kế logo, bao thư, letter head, card visit... để quảng cáo cho một thương hiệu nào đó.

9.46. Thiết kế 4 (Thiết kế cấu trúc bao bì)

2 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 2(1,1,4)

- Học phần trước: Không

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp những kiến thức về cấu trúc, thiết kế cấu trúc bao bì. Để giúp người học có các kiến thức và kỹ năng thiết kế cấu trúc bao bì, học phần giới thiệu về: cấu trúc và công năng sử dụng của các dạng bao bì mềm, bao bì hộp gấp, bao bì carton dợn sóng, các dạng túi giấy, nhãn hàng và các dạng bao bì khác; đưa ra các bước tiến hành thiết kế cấu trúc hệ thống bao bì cho một sản phẩm; ứng dụng của các phần mềm CAD trong thiết kế cấu trúc bao bì.

9.47. Thiết kế 5 (Thiết kế bao bì nhãn hiệu)

3 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 3(1,2,6)

- Học phần trước: Không

- Học phần tiên quyết: Thiết kế cấu trúc bao bì

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần giúp người học hình thành các kỹ năng cơ bản về thiết kế thẩm mỹ cho bao bì hộp giấy và các dạng bao bì khác. Về mảng thiết kế học phần giúp người học: xác định các yêu cầu về cấu trúc bao bì cho một sản phẩm; xác định chất liệu sử dụng, nghiên cứu màu sắc phù hợp với tính chất sản phẩm, lựa chọn các hình thức chữ, hình ảnh phù hợp, phác thảo các phương án, thực hiện thiết kế trên các mặt bao bì và đảm bảo tính thống nhất về mặt thẩm mỹ cho toàn bộ bao bì.

9.48. Thiết kế 6 (Thiết kế minh họa)

4 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 4(2,2,8)

- Học phần trước: Không

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần giúp người học ứng dụng các kiến thức đã học ở các học phần trước như: nguyên lý thị giác, định luật xa gần, nghệ thuật chữ, ý tưởng sáng tạo, kỹ năng sử dụng các phần mềm thiết kế.... để tạo ra sản phẩm cụ thể bao gồm tranh minh họa, sách báo, truyện tranh... Người học được nâng cao kỹ năng phân tích và hình thành ý tưởng, tìm kiếm và khai thác dữ liệu, phác thảo các phương án thiết kế, ứng dụng các phần mềm đồ họa và thực hiện ý tưởng thành sản phẩm ấn phẩm minh họa trên máy tính.

9.49. Đồ án Công nghệ in 2

1 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 1(0,1,2)
- Học phần trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Sinh viên tự lựa chọn một sản phẩm in thực tế, và phương án công nghệ và thiết bị của 1 nhà máy in với sự đồng ý của giáo viên hướng dẫn và xác định các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm; lập quy trình thực hiện cho sản phẩm in trên từ chế bản, in đến thành phẩm; lựa chọn phương án công nghệ, thiết bị cho sản phẩm in trên phù hợp với đặc điểm của sản phẩm cùng phương án công nghệ, thiết bị của nhà máy; lựa chọn và dự trù vật tư; tính toán khối lượng công việc phải thực hiện cho từng công đoạn; ước lượng giá thành cho sản phẩm in; tính toán thời gian sản xuất và hoạch định lịch trình sản xuất; thiết lập quy trình kiểm tra.

9.50. Ý tưởng kịch bản quảng cáo truyền thông

4 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 4(2,2,8)
- Học phần trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về đánh giá đối tượng khách hàng tiềm năng của sản phẩm quảng cáo; quá trình hình thành ý tưởng, phát triển ý tưởng và triển khai nội dung kịch bản quảng cáo. Người học phát triển kỹ năng sử dụng câu chữ, hình ảnh, âm thanh cho một dự án quảng cáo truyền thông cho một sản phẩm hoặc một thương hiệu cụ thể.

9.51. Ý tưởng sáng tạo

4 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 4(2,2,8)
- Học phần trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Đây là học phần vô cùng khó đối với một sinh viên ngành thiết kế đồ họa. Từ một chủ đề, các em phải tạo nên hàng trăm ý tưởng lạ mắt và độc đáo để lôi cuốn người xem. Bài tập khó khăn ở chỗ các ý tưởng đều phải trình bày được các khía cạnh đặc trưng và đa dạng của duy nhất một chủ đề.

9.52. Thiết kế 7 (Thiết kế tạp chí, catalogue)

3 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 3(1,2,6)
- Học phần trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Thiết kế một sản phẩm nhiều trang có độ phức tạp riêng của nó, môn này giúp các em rèn luyện cho nhuần nhuyễn các phần mềm liên quan đến việc trình bày tạp chí, báo, tham khảo các mẫu của nước ngoài, các bạn cùng lớp để rút kinh nghiệm. Học phần giúp các em thể hiện được khả năng thiết kế của mình trong nhiều trường hợp hơn: trang bìa đầu, cuối, các trang giữa là tin tức, thơ, quảng cáo...

9.53. Thiết kế 8 (Thiết kế Poster)

3 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 3(1,2,6)
- Học phần trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Thiết kế poster là bài tập giúp sinh viên hoàn thiện và tổng hợp các kỹ năng thiết kế của mình. Các em sẽ được học về kỹ năng tìm ý thiết kế, kỹ năng thể hiện bố cục, kỹ năng viết slogan trong poster cho cả hai dòng poster quảng cáo và poster cổ động.

9.54. Thiết kế 9 (Thiết kế lịch, thiệp)

3 tín chỉ

- Phân bố thời gian học tập: 3(1,2,6)
- Học phần trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần giúp người học ứng dụng các kiến thức đã học ở các học phần trước như: nguyên lý thị giác, định luật xa gần, nghệ thuật chữ, ý tưởng sáng tạo, nghệ thuật nhiếp ảnh, kỹ năng sử dụng các phần mềm thiết kế.... để tạo ra sản phẩm cụ thể bao gồm lịch để bàn, lịch treo tường... Người học được nâng cao kỹ năng phân tích và hình thành ý tưởng, tìm kiếm và khai thác dữ liệu, phác thảo các phương án thiết kế, ứng dụng các phần mềm đồ họa và thực hiện ý tưởng thành sản phẩm lịch trên máy tính.

9.55. Kiểm tra và Xử lý dữ liệu**3 tín chỉ**

- Phân bố thời gian học tập: 3(1,2,6)
- Học phần trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp các kiến thức về kiểm tra và xử lý dữ liệu phù hợp với từng điều kiện in trong từng công nghệ in (Offset, Ống đồng, Flexo, In lưới và in Kỹ thuật số). Các kiến thức cung cấp bao gồm: Các điều kiện in theo tiêu chuẩn ISO; Yêu cầu về chuyển đổi dữ liệu; Các quy trình chuẩn tạo, kiểm tra và chỉnh sửa file PDF chất lượng cao. Rèn luyện các kỹ năng cơ bản về kiểm tra và xử lý dữ liệu đồ họa để có được dữ liệu “sạch” trước khi in. Học phần cũng cung cấp thêm các kiến thức về các kỹ thuật phụ trợ để xử lý file: Trapping, overprint...

9.56. Thực tập tốt nghiệp**2 tín chỉ**

- Phân bố thời gian học tập: 2(0,2,4)
- Học phần trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Sinh viên đăng ký đề tài và tham gia thực tập tại các công ty dưới sự hướng dẫn của GVHD do Khoa phân công. Học phần giúp sinh viên hiểu biết về cơ cấu tổ chức hoạt động của 1 doanh nghiệp; mô tả được cơ cấu tổ chức của 1 doanh nghiệp cũng như các phòng ban trong doanh nghiệp; biết cách trình bày 1 báo cáo thực tập tốt nghiệp; thực hiện được một báo cáo thực tập tốt nghiệp hoàn chỉnh.

9.57. Thiết kế 10 (Thiết kế quảng cáo)**3 tín chỉ**

- Phân bố thời gian học tập: 3(1,2,6)
- Học phần trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần giúp người học ứng dụng các kiến thức đã học ở các học phần trước như: nguyên lý thị giác, định luật xa gần, nghệ thuật chữ, ý tưởng sáng tạo, nghệ thuật nhiếp ảnh, kỹ năng sử dụng các phần mềm thiết kế.... để tạo ra sản phẩm quảng cáo cho một thương hiệu hoặc một tổ chức xã hội. Người học được nâng cao kỹ năng phân tích và hình thành ý tưởng, tìm kiếm và khai thác dữ liệu, phác thảo các phương án thiết kế, ứng dụng các phần mềm đồ họa và thực hiện ý tưởng thành sản phẩm quảng cáo.

9.58. Đồ án tốt nghiệp**7 tín chỉ**

- Phân bố thời gian học tập: 7(0,7,14)
- Học phần trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần song hành: Không
- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này giúp hệ thống lại/ nâng cao những kiến thức đã học trong chương trình.

10. Cơ sở vật chất phục vụ học tập**10.1. Các xưởng, phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng**

Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Số TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy			Ghi chú (Mã số trong sổ tài sản)
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học	
1.	Phòng Học Khu A (A102; A104; A108)	3	40			Phục vụ các học phần lý thuyết	0305
2.	Phòng Học Khu B (B.305; B306, B307)	3	60			Phục vụ các học phần lý thuyết	0306
3.	Khu Tòa Nhà Trung tâm (A3. 301; A3.302)	2	26			Phục vụ các học phần lý thuyết	0304

Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành:

Số TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành			Ghi chú (Mã số)
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học	

						trong số tài sản)
1.	Phòng máy tính: A3-101 – A3104 A5-102	200	Máy vi tính	5	Phục vụ các học phần thực hành	30110
2.	Phòng Studio	30	Máy chụp hình	1	Phục vụ các học phần thực hành	30114
			Bộ hệ thống đèn chụp	1		50608
3.	Xưởng thiết kế bao bì	60	Máy cắt mẫu bao bì	1	Phục vụ các học phần thực hành	50609
4.	Xưởng in	500	Máy in	5	Phục vụ các học phần thực hành	50602 50603
5.	Xưởng thiết kế văn hóa phẩm	300	Máy đóng sách	3	Phục vụ các học phần thực hành	50609
6.	Xưởng Hình họa 1	150	Giá vẽ, Bảng vẽ, Mẫu vẽ		Phục vụ các học phần thực hành	3315
7.	Xưởng Hình họa 2	180	Giá vẽ, Bảng vẽ, Mẫu vẽ	1	Phục vụ các học phần thực hành	3316
8.	Xưởng Thiết kế	200	Bàn thực hành Ghế	1	Phục vụ các học phần thực hành	80107 80206

10.2. Thư viện, trang Web

(Liệt kê các thư viện và trang Web mà SV có thể sử dụng để tìm kiếm tài liệu học tập)

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Khi bố trí các học phần, cần chú ý tính tiên quyết, tính song hành của các học phần lý thuyết và thực hành của chương trình đào tạo.

Các môn cơ sở và chuyên ngành (cả lý thuyết lẫn thực tập) sắp xếp học kể từ học kỳ thứ hai. Nhưng trong học kỳ 1 sinh viên học ngay môn Nhập môn ngành Thiết kế đồ họa vì đây là học phần có tính định hướng nghề, giúp cho sinh viên tiếp cận ngành Thiết kế đồ họa, có cái nhìn tổng quan về ngành nghề sẽ gắn bó lâu dài sau này. Trong học kỳ 1 nên tổ chức cho sinh viên đi tham quan các Công ty hoạt động trong ngành Thiết kế đồ họa (hoạt động ngoại khóa).

Từ học kỳ 1 đến học kỳ 6, bố trí cho sinh viên học các môn thuộc:

- | | |
|-------------------------------|---------|
| - Khối kiến thức đại cương | 61 đvht |
| - Khối kiến thức cơ sở ngành | 21 đvht |
| - Khối kiến thức chuyên ngành | 48 đvht |
| - Khối lượng thực tập qua ban | 6 đvht |

Trong đó học kỳ 4 được xếp tối đa 17 đvht để sinh viên có thời gian trải nghiệm thực tế tại các doanh nghiệp, nhằm giúp các em dễ dàng tiếp thu kiến thức ở các học phần sau.

Qua các học phần lý thuyết và thực tập bắt buộc này sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức, khả năng và kỹ năng cơ bản mà người Cử nhân Thiết kế đồ họa cần phải có.

Từ học kỳ 5, sau khi học xong các học phần lý thuyết và thực tập bắt buộc trên, sinh viên sẽ được hướng dẫn chọn học các học phần lý thuyết chuyên sâu tùy theo sở thích, khả năng học tập và nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp ngành Thiết kế đồ họa. Các sinh viên được phép chọn tối thiểu 6 đvht từ các học phần tự chọn.

Học kỳ 7, sau khi học xong lý thuyết chuyên sâu, sinh viên sẽ được sắp xếp để thực tập tốt nghiệp tại công ty.

Học kỳ 8 sinh viên sẽ phải hoàn tất các khối lượng sau:

- | | |
|-------------------------|--------|
| - Khóa luận tốt nghiệp: | 7 đvht |
| - Chuyên đề tốt nghiệp: | 3 đvht |

Khối lượng thực tập chuyên ngành cùng với khối kiến thức chuyên sâu giúp cho sinh viên có nền tảng vững chắc về lý thuyết và thực hành Thiết kế đồ họa. Nhờ đó sinh viên mau chóng phát huy khả năng ngay sau khi tốt nghiệp, khi nhận một công việc phù hợp với chuyên ngành sâu đã chọn.

P. Trưởng khoa



ThS. Lê Công Danh